

Số: /KH-UBND

Kiên Giang, ngày tháng năm 2024

## KẾ HOẠCH

### Thực hiện Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ Nhân dân đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Thực hiện Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 23/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ Nhân dân đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang xây dựng kế hoạch thực hiện Chiến lược, cụ thể như sau:

## I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

### 1. Mục đích

- Quán triệt, triển khai đầy đủ nội dung của Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ Nhân dân giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 vào chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, để đáp ứng yêu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ Nhân dân trong tình hình mới.

- Xác định mục tiêu, các nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp chủ yếu của giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, cũng như những nhu cầu thực tế đặt ra trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ Nhân dân.

### 2. Yêu cầu

- Tổ chức thực hiện Chiến lược phải đúng quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương, đơn vị.

- Xác định rõ trách nhiệm đầu mối, phối hợp của các cấp, các ngành trong từng hoạt động, từng lĩnh vực cụ thể để hiện thực hóa các mục tiêu của Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ Nhân dân giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

- Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; tổ chức sơ kết, tổng kết thực hiện kế hoạch.

## II. MỤC TIÊU

### 1. Mục tiêu chung

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống y tế tỉnh Kiên Giang theo định hướng hiện đại, công bằng, hiệu quả và phát triển; bảo đảm mọi người dân được hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ có chất lượng. Người dân được

sống trong cộng đồng an toàn, phát triển tốt về thể chất và tinh thần, nâng cao sức khỏe, tăng tuổi thọ, cải thiện chất lượng dân số góp phần vào cải thiện chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

## **2. Mục tiêu cụ thể**

- Chủ động, tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh, đặc biệt là dịch bệnh truyền nhiễm mới xuất hiện; giám sát chặt chẽ dịch tễ, phản ứng nhanh để xử lý ổ dịch kịp thời, hạn chế tối đa số ca mắc, tử vong và tác hại của dịch. Bảo đảm an ninh y tế, tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác phát hiện, chuẩn bị, ứng phó với dịch bệnh và các tình huống y tế công cộng khẩn cấp. Thực hiện đồng bộ các giải pháp giảm thiểu tác hại do ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu gây ra đối với sức khỏe. Từng bước kiểm soát các yếu tố nguy cơ gây bệnh, nâng cao năng lực quản lý môi trường y tế, các bệnh không lây nhiễm, bệnh nghề nghiệp, tai nạn thương tích và nâng cao sức khỏe người dân.

- Củng cố, hoàn thiện và nâng cao chất lượng, hiệu quả của mạng lưới cung ứng dịch vụ y tế từ tỉnh đến cơ sở, xây dựng hệ thống chăm sóc sức khỏe ban đầu vững mạnh. Tăng cường hiệu quả của mạng lưới cung ứng dịch vụ y tế đáp ứng với sự thay đổi của mô hình bệnh tật, hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Thu hẹp khoảng cách về bệnh tật, tử vong giữa các vùng sinh thái, các nhóm dân tộc. Phát triển y tế ngoài công lập, tăng cường phối hợp công - tư trong cung ứng dịch vụ y tế.

- Phân đầu đạt mức sinh thay thế vào năm 2030 và duy trì vững chắc mức sinh thay thế; giảm chênh lệch mức sinh giữa các vùng, đối tượng; đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên; tận dụng lợi thế cơ cấu dân số vàng; thích ứng với già hóa dân số; phân bố dân số hợp lý và nâng cao chất lượng dân số. Chú trọng chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, người cao tuổi và các đối tượng ưu tiên.

- Phát triển nguồn nhân lực y tế cả về số lượng và chất lượng; tăng cường nhân lực y tế cho vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, biển đảo và một số chuyên khoa (y tế dự phòng, lao, tâm thần, nhi...); chú trọng phát triển nhân lực y tế có trình độ cao; phân đầu tiên tới đạt cơ cấu hợp lý giữa bác sỹ và điều dưỡng, kỹ thuật viên..., bảo đảm cân đối giữa đào tạo và sử dụng hiệu quả nhân lực y tế, coi trọng bồi dưỡng y đức.

- Công tác nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ cao trong dự phòng, phát hiện, chẩn đoán và điều trị bệnh tật, nghiên cứu và phát triển dược, thiết bị y tế được chú trọng; đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, phát huy vai trò công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành và hoạt động chuyên môn y tế.

- Bảo đảm cung ứng đủ thuốc, vắc xin, sinh phẩm y tế, máu, chế phẩm máu có chất lượng, với giá cả hợp lý đáp ứng nhu cầu phòng bệnh, chữa bệnh của Nhân dân; quản lý, sử dụng thuốc, vắc xin, sinh phẩm y tế hợp lý, an toàn và hiệu quả.

- Nâng cao hiệu quả trong phân bổ, sử dụng ngân sách và các nguồn lực cho y tế, đạt mục tiêu bảo hiểm y tế toàn dân. Ưu tiên ngân sách nhà nước cho y tế dự phòng, y tế cơ sở, y tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, biển đảo, bãi ngang ven biển, các khu vực khó khăn.

- Nâng cấp cơ sở hạ tầng cho các cơ sở y tế đáp ứng nhu cầu sử dụng; bảo đảm trang thiết bị thiết yếu và từng bước đầu tư trang thiết bị hiện đại cho hệ thống y tế dự phòng, hệ thống khám chữa bệnh và phục hồi chức năng.

### **3. Mục tiêu định hướng đến năm 2045**

Hệ thống y tế phát triển hiện đại, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế ngang tầm các tỉnh, thành phố lớn trong nước, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao và đa dạng của Nhân dân, đạt bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân.

### **4. Một số chỉ tiêu y tế cơ bản**

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

## **III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

### **1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền, huy động sự tham gia của toàn xã hội thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân**

- Đưa công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân thành một nội dung quan trọng trong chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, cụ thể hóa thành những mục tiêu, chỉ tiêu cơ bản; hàng năm, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân, coi đó là một tiêu chuẩn quan trọng đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp.

- Nâng cao trách nhiệm và tăng cường sự phối hợp của các cấp, các ngành, đoàn thể Nhân dân; đồng thời huy động các tổ chức kinh tế, xã hội tham gia tích cực thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

### **2. Nâng cao sức khỏe Nhân dân**

- Đẩy mạnh thực hiện Chương trình sức khỏe Việt Nam; Phong trào vệ sinh yêu nước nâng cao sức khỏe Nhân dân; Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030; Chiến lược quốc gia về

phòng, chống tác hại của thuốc lá đến năm 2030. Đa dạng hóa nội dung và đổi mới hình thức truyền thông, giáo dục sức khỏe để nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người dân trong tự chăm sóc, nâng cao sức khỏe, phòng chống tác hại của thuốc lá, rượu, bia...

- Thực hiện hiệu quả Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045; Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 05/4/2022 của UBND tỉnh thực hiện Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045; Chương trình chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời. Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý để cải thiện tình trạng dinh dưỡng phù hợp với từng đối tượng, địa phương, vùng sinh thái.

- Tập trung cải thiện sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ, giảm tỷ lệ trẻ em khuyết tật, ưu tiên các vùng biển đảo nhằm giảm sự khác biệt về các chỉ tiêu sức khỏe, dinh dưỡng, tử vong mẹ, tử vong trẻ em giữa các vùng sinh thái. Phân đầu hoàn thành các mục tiêu của Chương trình can thiệp giảm tử vong trẻ em dưới 5 tuổi đến năm 2030.

- Tăng cường năng lực quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, thống nhất đầu mối thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm từ tỉnh tới cơ sở; đảm bảo các quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thực phẩm. Thực hiện việc kiểm soát an toàn thực phẩm dựa trên đánh giá nguy cơ, sản xuất kinh doanh theo chuỗi, truy xuất nguồn gốc. Nâng cao năng lực phòng, chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm.

- Đẩy mạnh chăm sóc sức khỏe người lao động, người cao tuổi, người khuyết tật, phòng chống bệnh nghề nghiệp, tai nạn thương tích tại cộng đồng; tăng cường công tác y tế học đường. Thực hiện hiệu quả Chương trình chăm sóc và nâng cao sức khỏe người lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp giai đoạn 2020 - 2030, Chương trình sức khỏe học đường giai đoạn 2021 - 2025, Chương trình y tế trường học trong các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông gắn với y tế cơ sở giai đoạn 2021 - 2025 và các năm tiếp theo. Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 98/KH-UBND ngày 02/7/2020 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình chăm sóc và nâng cao sức khỏe người lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp giai đoạn 2020 - 2030 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Kế hoạch số 144/KH-UBND ngày 17/6/2022 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình chăm sóc sức khỏe người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2030.

- Phòng, chống tác động bất lợi của biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, hóa chất và chất thải độc hại đến sức khỏe con người. Tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi nhằm tăng tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn quốc gia và nhà tiêu hợp vệ sinh, tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt quy chuẩn.

### **3. Nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh gắn với đổi mới y tế cơ sở**

- Chủ động thực hiện các biện pháp dự phòng tích cực, thực hiện quản lý, giám sát dịch chặt chẽ; tăng cường đầu tư mạng lưới y tế dự phòng, năng lực xét nghiệm, bảo đảm đủ năng lực dự báo, giám sát và phát hiện dịch bệnh sớm, không chế kịp thời, có hiệu quả các dịch bệnh, các sự kiện khẩn cấp về y tế công cộng. Tăng số loại vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng phù hợp với khả năng ngân sách. Phấn đấu giảm nhanh tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ dưới 5 tuổi; duy trì kết quả thanh toán bệnh phong và bại liệt; loại trừ uốn ván sơ sinh; giảm số mắc và chết các bệnh truyền nhiễm.

- Tăng cường hoạt động giám sát và kiểm soát các chất thải gây ô nhiễm môi trường; xử lý đúng quy trình các chất thải y tế và chất thải độc hại. Triển khai tích cực các biện pháp tiến tới kiểm soát các yếu tố nguy cơ các bệnh không lây nhiễm, các bệnh liên quan đến môi trường, lối sống, hành vi, như: Hút thuốc lá, lạm dụng rượu bia, tình dục không an toàn, chế độ ăn không hợp lý, ngộ độc thực phẩm...

- Triển khai tích cực các biện pháp kiểm soát an toàn vệ sinh thực phẩm, thường xuyên thanh tra, kiểm tra liên ngành, chuyên ngành việc thực hiện quy định của pháp luật về an toàn vệ sinh thực phẩm. Chú trọng nâng cao năng lực kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia, các chiến lược quốc gia thuộc ngành y tế trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường phối hợp liên ngành trong phòng, chống tai nạn, thương tích, tai nạn lao động, đuối nước, bệnh nghề nghiệp, phòng, chống HIV/AIDS, bệnh lao, bệnh sốt rét để thực hiện mục tiêu cơ bản chấm dứt các dịch bệnh AIDS, lao và loại trừ sốt rét vào năm 2030. Chủ động triển khai các giải pháp thích hợp để phòng và khắc phục nhanh hậu quả đối với sức khỏe do thảm họa, thiên tai, biến đổi khí hậu, bạo lực gia đình.

- Tăng cường sàng lọc, phát hiện, điều trị và quản lý các bệnh không lây nhiễm, kiểm soát các yếu tố nguy cơ gây bệnh. Chú trọng sàng lọc phát hiện sớm bệnh tật; phấn đấu đến năm 2030, người có nguy cơ cao mắc bệnh được kiểm tra sức khỏe ít nhất mỗi năm một lần, hướng tới kiểm tra sức khỏe định kỳ cho toàn dân. Thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 145/KH-UBND ngày 14/11/2023 về phòng, chống bệnh không lây nhiễm và rối loạn sức khỏe tâm thần trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2023 - 2025.

- Triển khai thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 25-CT/TW ngày 25/10/2023 của Ban Bí thư; Kế hoạch số 197-KH/TU ngày 07/3/2024 của Tỉnh ủy Kiên Giang thực hiện Chỉ thị số 25-CT/TW ngày 25/10/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục củng cố, hoàn thiện, nâng cao chất lượng hoạt động của y tế cơ sở

trong tình hình mới với quan điểm y tế cơ sở là nền tảng, phát triển vững chắc hệ thống y tế cơ sở, xây dựng mạng lưới y tế rộng khắp, gần dân.

- Đẩy mạnh quản lý và điều trị các bệnh không lây nhiễm, bệnh mạn tính, chăm sóc dài hạn tại y tế cơ sở; thực hiện quản lý sức khỏe người dân tại gia đình và cộng đồng. Phát triển mô hình bác sỹ gia đình, thiết lập hệ thống chuyển tuyến chuyên môn linh hoạt.

- Thống nhất mô hình tổ chức, quản lý với trung tâm y tế cấp huyện theo hướng chịu sự quản lý toàn diện của Ủy ban nhân dân cấp huyện. Tổ chức và hoạt động của trạm y tế phải phù hợp với quy mô, cơ cấu dân số, điều kiện kinh tế - xã hội, khả năng tiếp cận của người dân. Các huyện, thành phố có mật độ dân cư cao sắp xếp trạm y tế theo quy mô dân số, không nhất thiết theo địa giới hành chính. Các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu chế xuất căn cứ quy mô lao động, điều kiện thực tiễn và nhu cầu để thành lập cơ sở y tế phù hợp.

#### **4. Nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng và sự hài lòng của người bệnh**

- Phát triển danh mục kỹ thuật ở tất cả các tuyến, bảo đảm thực hiện được hầu hết danh mục kỹ thuật theo phân tuyến của Bộ Y tế; các bệnh viện tuyến tỉnh có thể thực hiện được một số kỹ thuật vượt tuyến, từng bước giảm dần tỷ lệ chuyển tuyến trung ương.

- Kết hợp giữa y học hiện đại với y học cổ truyền để đạt hiệu quả tốt trong chẩn đoán và điều trị bệnh; kết hợp quân dân y. Thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 05/5/2020 của UBND tỉnh về phát triển y dược cổ truyền, kết hợp y dược cổ truyền với y học hiện đại đến năm 2030. Gắn phát triển dược liệu với phát triển kinh tế - xã hội; củng cố và phát triển các chuyên khoa của Bệnh viện Y Dược cổ truyền tỉnh; nâng cao hiệu quả hoạt động của khoa y học cổ truyền tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh, trung tâm y tế tuyến huyện và hoạt động khám, chữa bệnh y học cổ truyền tại tuyến xã.

- Tích cực thực hiện chăm sóc liên tục và toàn diện cho người bệnh; xây dựng chương trình bảo đảm và cải thiện chất lượng phục vụ người bệnh; nâng cao y đức, kiện toàn cơ chế xử lý, phản hồi ý kiến, bảo vệ quyền lợi của người bệnh.

- Đa dạng hóa các loại hình dịch vụ như: Khám chữa bệnh theo yêu cầu, mô hình bác sỹ gia đình, trung tâm tư vấn sức khỏe nhằm tạo điều kiện để người dân tiếp cận với các dịch vụ y tế.

- Nâng cao năng lực quản lý bệnh viện, bảo đảm sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực ở các bệnh viện; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý bệnh viện. Xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn quản lý chất lượng phù hợp đối với mỗi bệnh viện trong tỉnh; ban hành cơ chế quản lý, kiểm định và kiểm soát chất lượng dịch vụ khám, chữa

bệnh. Thực hiện có hiệu quả Chương trình phát triển hệ thống phục hồi chức năng giai đoạn 2023 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cao năng lực của mạng lưới khám bệnh, chữa bệnh trong chuẩn bị và ứng phó hiệu quả với dịch bệnh, đặc biệt là hồi sức tích cực, đồng thời đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ cung ứng các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hằng ngày cho người bệnh.

- Tập trung mở rộng hoạt động khám bệnh, chữa bệnh từ xa để người dân có cơ hội tiếp cận, sử dụng dịch vụ y tế chất lượng ngay tại y tế cơ sở. Tăng cường chỉ đạo, chuyên gia kỹ thuật chuyên môn trong trường hợp vượt quá khả năng điều trị tại chỗ. Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp về giảm quá tải bệnh viện tuyến trên.

- Thực hiện công khai dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và liên thông, công nhận kết quả xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh giữa các bệnh viện, hạn chế tình trạng cung ứng các dịch vụ y tế quá mức cần thiết. Ban hành danh mục dịch vụ kỹ thuật các tuyến phải có đủ năng lực thực hiện, tiến tới bảo đảm chất lượng từng dịch vụ kỹ thuật đồng đều giữa các tuyến.

- Cung cấp dịch vụ y tế đáp ứng nhu cầu của người lao động tại các khu công nghiệp. Chú trọng liên kết với ngành du lịch để hình thành sản phẩm du lịch kết hợp với chăm sóc y tế góp phần phát triển kinh tế.

## **5. Công tác dân số và phát triển**

- Thực hiện hiệu quả Chiến lược dân số Việt Nam đến năm 2030 để đạt mục tiêu duy trì vững chắc mức sinh thay thế; đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên; tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng; thích ứng với già hóa dân số; quy mô, cơ cấu, phân bố dân số hợp lý và nâng cao chất lượng dân số.

- Có chính sách và biện pháp phù hợp để người dân được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ y tế cơ bản, nhất là trẻ em, người khuyết tật, người bị di chứng chiến tranh, người cao tuổi, đồng bào dân tộc thiểu số, người di cư,... Tiếp tục phát triển mạnh mẽ mạng lưới các cơ sở chăm sóc người cao tuổi.

- Tiếp tục triển khai thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, giải pháp theo Chương trình hành động số 34-CTr/TU ngày 29/12/2017 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa XII về tăng cường công tác dân số trong tình hình mới.

## **6. Phát triển nhân lực y tế**

- Đổi mới toàn diện công tác đào tạo để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực y tế, đặc biệt là nhân lực cho y tế cơ sở. Đổi mới chương trình đào tạo, chú trọng nâng cao năng lực thực hành và chuyên môn. Đổi mới việc thi, cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định hiện hành. Xây dựng, tổ chức

thực hiện Đề án phát triển nhân lực ngành y tế đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Phát triển nguồn nhân lực y tế bảo đảm số lượng, cơ cấu phù hợp và chất lượng nhân lực y tế cho từng vùng, từng cấp độ chăm sóc và từng chuyên khoa, đặc biệt một số chuyên khoa khó tuyển như lao, phong, tâm thần, pháp y, giải phẫu bệnh, hồi sức cấp cứu, truyền nhiễm, y học cổ truyền... Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả việc luân phiên, luân chuyển, điều động nhân lực y tế để hỗ trợ thường xuyên cho y tế cơ sở.

- Thực hiện đa dạng hóa phương thức, loại hình đào tạo; chú trọng đào tạo sau đại học về chuyên môn, kỹ thuật để nâng cao năng lực cán bộ y tế và phát triển kỹ thuật ở các cơ sở y tế tuyến tỉnh, huyện, từng bước bảo đảm nhân lực y tế đạt các tiêu chuẩn, tiêu chí theo quy định.

- Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đãi ngộ đối với yêu cầu nhiệm vụ và đặc thù công việc của nhân viên y tế. Thực hiện quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực y tế. Triển khai các giải pháp hiệu quả, phù hợp để tăng cường thu hút cán bộ y tế làm việc lâu dài tại vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo và trong các lĩnh vực y tế dự phòng, pháp y, tâm thần, lao, phong, y học cổ truyền...

### **7. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ**

- Từng bước hiện đại hóa kỹ thuật y học chuyên môn sâu trong lĩnh vực phòng bệnh, khám chữa bệnh, kiểm nghiệm, giám định... Đầu tư thiết bị, công nghệ hiện đại trong chẩn đoán, điều trị bệnh, kiểm định, giám định an toàn thực phẩm, môi trường nước, không khí, đất.

- Ứng dụng khoa học công nghệ trong xử lý chất thải y tế, đảm bảo các bệnh viện đều phải có hệ thống xử lý nước thải và rác thải y tế; các trạm y tế xã tối thiểu phải có hệ thống xử lý chất thải rắn y tế.

- Ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin trong điều hành, quản lý ngành, quản lý bệnh viện, quản lý nhân sự, quản lý tài chính, quản lý trang thiết bị y tế...

### **8. Tăng cường quản lý thuốc, vắc xin, sinh phẩm y tế**

- Thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 299/KH-UBND ngày 20/12/2023 của UBND tỉnh về thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển ngành dược giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang và Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 18/01/2024 của UBND tỉnh về thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống kháng thuốc tại Việt Nam giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

- Nâng cao năng lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực dược, thực phẩm, thiết bị y tế. Tăng cường quản lý chất lượng thuốc và sử dụng thuốc an toàn, hợp lý, khuyến khích sử dụng thuốc sản xuất trong



nước. Xây dựng labo kiểm nghiệm thuốc đạt tiêu chuẩn của Tổ chức Y tế thế giới về thực hành tốt kiểm nghiệm thuốc (GLP).

- Thực hiện tốt công tác đấu thầu mua sắm thuốc, vật tư y tế tiêu hao, sinh phẩm y tế nhằm bảo đảm cung ứng kịp thời, đáp ứng nhu cầu sử dụng của các cơ sở y tế công lập. Quản lý chặt chẽ quy chế kê đơn, bán thuốc tại các cơ sở bán buôn, bán lẻ thuốc, bảo đảm sử dụng thuốc an toàn, hợp lý.

- Phát triển dược liệu và các sản phẩm từ nguồn dược liệu trong nước thành lĩnh vực sản xuất hàng hóa có chất lượng và giá trị cao, có sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và trên thế giới.

### **9. Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số**

- Mở rộng ứng dụng công nghệ số trong các lĩnh vực hoạt động của ngành y tế, hình thành nền y tế thông minh với ba nội dung chính là phòng bệnh thông minh, khám bệnh, chữa bệnh thông minh và quản trị y tế thông minh.

- Triển khai đồng bộ việc ứng dụng công nghệ thông tin trong mọi lĩnh vực của ngành y tế trên phạm vi toàn tỉnh; lập, quản lý và theo dõi hồ sơ sức khỏe cá nhân, bệnh án điện tử và kết nối các thông tin, dữ liệu quản lý khác như khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế, tiêm chủng, quản lý bệnh truyền nhiễm, bệnh không lây nhiễm.

- Duy trì và củng cố việc kết nối mạng giữa cơ sở khám bệnh và các nhà thuốc, bảo đảm kiểm soát xuất xứ, giá thuốc được mua vào, bán ra và việc bán thuốc theo đơn trên toàn tỉnh.

- Ứng dụng công nghệ thông tin phổ biến tri thức trong phòng bệnh, chữa bệnh và nâng cao sức khỏe; ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong y tế để tăng cường sự tiếp cận của người dân đến các thông tin y tế.

### **10. Đổi mới tài chính y tế và bảo hiểm y tế**

#### *a) Huy động nguồn tài chính*

- Ưu tiên bố trí ngân sách, bảo đảm tốc độ tăng chi cho y tế cao hơn tốc độ tăng chi ngân sách nhà nước; dành ít nhất 30% ngân sách y tế cho công tác y tế dự phòng. Huy động các nguồn viện trợ, tài trợ, vay ưu đãi trong nước và quốc tế để đầu tư phát triển hệ thống y tế. Triển khai đồng bộ các giải pháp để thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân.

- Tiếp tục nghiên cứu và thực hiện chính sách hỗ trợ người dân tham gia bảo hiểm y tế và hỗ trợ chi trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh cho người nghèo, người mắc các bệnh ung thư...

- Đẩy mạnh xã hội hoá; đa dạng hoá các hình thức hợp tác công - tư, bảo đảm minh bạch, công khai, cạnh tranh lành mạnh để khuyến khích y tế tư nhân phát triển.

### *b) Phân bổ nguồn tài chính*

- Ưu tiên phân bổ ngân sách nhà nước để chi đầu tư cho y tế cơ sở, y tế dự phòng, y tế vùng khó khăn, nghiên cứu y học, lĩnh vực tâm thần, phong.

- Ưu tiên ngân sách cho chăm sóc sức khỏe người có công, người nghèo, nông dân, đồng bào dân tộc thiểu số, người di cư, Nhân dân ở vùng kinh tế - xã hội khó khăn.

- Tăng cường kiểm soát, giám định chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế bảo đảm công khai, minh bạch, bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người tham gia bảo hiểm y tế.

### *c) Chi trả dịch vụ y tế*

- Mở rộng quyền tự chủ về tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ; gắn việc áp dụng quy định mức giá thu dịch vụ y tế mới với lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân, lộ trình cải cách tiền lương; thực hiện tính đúng, tính đủ chi phí dịch vụ, bảo đảm phù hợp với trình độ chuyên môn, chất lượng dịch vụ ở từng tuyến và khả năng chi trả của người dân; minh bạch giá dịch vụ y tế.

- Đổi mới phương thức chi trả dịch vụ y tế từ chi trả theo phí dịch vụ sang kết hợp với các phương thức chi trả khác, bao gồm thanh toán theo định suất và theo nhóm chẩn đoán liên quan.

- Áp dụng phương thức Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cho y tế cơ sở thực hiện các gói dịch vụ y tế cơ bản; chi trả theo hướng khuyến khích cung ứng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, quản lý sức khỏe dân cư tại cộng đồng.

- Bố trí kinh phí để thực hiện các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư lĩnh vực y tế theo Quy hoạch tỉnh tại Quyết định số 1289/QĐ-TTg ngày 03/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

## **11. Phát triển y tế gắn với bảo đảm quốc phòng an ninh**

- Phát huy thế mạnh y tế của lực lượng vũ trang; tổ chức linh hoạt các mô hình kết hợp quân dân y khám bệnh, chữa bệnh; phòng, chống thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, phù hợp với điều kiện từng nơi; bảo đảm cung cấp dịch vụ y tế có chất lượng cho người dân vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

- Tiếp tục duy trì và triển khai có hiệu quả Chương trình kết hợp quân dân y chăm sóc sức khỏe Nhân dân đến năm 2030; Kế hoạch số 280/KH-UBND ngày 04/12/2023 của UBND tỉnh về việc thực hiện Chương trình phát triển y tế biển, đảo Việt Nam đến năm 2030. Thực hiện kết hợp

quân - dân y xây dựng lực lượng y tế dự bị động viên, lực lượng huy động ngành y tế và bảo đảm y tế khu vực phòng thủ và phòng thủ dân sự; sẵn sàng đáp ứng y tế trong các tình huống quốc phòng và an ninh.

## **12. Tăng cường phối hợp liên ngành, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập và truyền thông cung cấp thông tin y tế**

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các bên liên quan và hiệu quả công tác phối hợp liên ngành, đẩy mạnh các hành động đa ngành trong chăm sóc sức khỏe. Xây dựng các kế hoạch hành động liên ngành trong chăm sóc sức khỏe nói chung, đặc biệt trong chuẩn bị và ứng phó có hiệu quả với các tình huống khẩn cấp, dịch bệnh.

- Tăng cường hợp tác và chủ động hội nhập, tranh thủ hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo và tài chính của các cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước. Tăng cường tham gia hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực y dược.

- Triển khai công tác cung cấp thông tin y tế đồng bộ, minh bạch, chính xác, kịp thời, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan báo chí truyền thông sâu rộng về các nhiệm vụ trọng tâm, các thành tựu, kết quả hoạt động của công tác y tế, các tấm gương điển hình cán bộ, nhân viên y tế, y đức, y nghiệp và truyền thống lịch sử ngành y tế.

- Chú trọng truyền thông để nhận thức, thay đổi hành vi về lối sống và các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe như hút thuốc lá, lạm dụng rượu bia, dinh dưỡng không hợp lý, sức khỏe sinh sản, tình dục không an toàn, sức khỏe học đường, dân số - kế hoạch hóa gia đình, rèn luyện thể dục - thể thao và các chính sách về y tế như lợi ích, quyền lợi của người tham gia bảo hiểm y tế, giá dịch vụ y tế...

## **13. Tăng cường quản lý nhà nước về y tế**

- Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chính sách y tế, kiểm tra và trợ giúp pháp lý cho các đơn vị ngành y tế nhằm thực thi tốt hệ thống chính sách, pháp luật đối với ngành y tế.

- Đổi mới toàn diện cơ chế quản lý, điều hành tại các đơn vị y tế trong ngành để phát huy tính năng động, sáng tạo của mỗi đơn vị. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao năng lực quản lý hoạt động chuyên môn, quản lý tài chính, đầu tư, công sản, trang thiết bị và nhân sự, trước hết cho lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo các khoa, phòng và các cán bộ tổ chức, cán bộ kế hoạch, tài chính.

- Xây dựng, cập nhật, điều chỉnh quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế tỉnh Kiên Giang phù hợp với Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tiếp tục sắp

xếp tổ chức bộ máy các đơn vị sự nghiệp y tế công lập bảo đảm tinh gọn, đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả; phát triển và tăng cường sự tham gia của y tế ngoài công lập trong cung ứng dịch vụ y tế công.

- Đổi mới mạnh mẽ công tác quản lý và tổ chức hoạt động của các đơn vị sự nghiệp y tế công lập. Đẩy mạnh thực hiện quyền tự chủ về nhiệm vụ chuyên môn, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính gắn với trách nhiệm giải trình, công khai, minh bạch.

- Áp dụng hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn cho các lĩnh vực của ngành y tế, nhất là quy chuẩn về chất lượng dịch vụ y tế. Tiếp tục thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính đối với các cơ sở y tế, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho Nhân dân trong việc tham gia các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, đặc biệt chú ý cải tiến thủ tục khám, chữa bệnh cho đối tượng bảo hiểm y tế, người nghèo, đối tượng chính sách. Thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch trong quản lý tại các cơ sở y tế.

- Tăng cường hoạt động thanh tra y tế trong tất cả các lĩnh vực liên quan đến công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe Nhân dân, chú trọng các hoạt động thanh tra về kinh doanh, phân phối thuốc, về khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế công lập và ngoài công lập.

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với nâng cao năng lực quản lý, quản trị của các đơn vị sự nghiệp y tế công lập. Tăng cường trách nhiệm giải trình và công khai minh bạch, kỷ cương hành chính, kỷ luật công vụ, chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm; thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng để kịp thời động viên công chức, viên chức, người lao động vượt khó, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

#### **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước, bảo hiểm y tế, người dân, viện trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

#### **V. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ**

##### **1. Sở Y tế**

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch.

- Hướng dẫn, theo dõi, giám sát, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch và định kỳ hàng năm, 05 năm tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Y tế, đồng thời kịp thời đề xuất kiến nghị UBND tỉnh điều chỉnh Kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

## **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành có liên quan tham mưu UBND tỉnh đưa chỉ tiêu, nhiệm vụ về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm, hằng năm của tỉnh; tham mưu cân đối, phân bổ các nguồn vốn đầu tư công cho các chương trình, dự án phát triển mạng lưới y tế thuộc cấp tỉnh quản lý theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản có liên quan để xây dựng, phát triển mạng lưới y tế cơ sở, phục vụ công tác bảo vệ, chăm sóc nâng cao sức khỏe Nhân dân.

## **3. Sở Tài chính**

Trên cơ sở dự toán của các cơ quan, đơn vị và khả năng cân đối của ngân sách, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí cho các cơ quan, đơn vị thực hiện Kế hoạch theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

## **4. Sở Nội vụ**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh tiếp tục sắp xếp, kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy các đơn vị sự nghiệp y tế trên địa bàn tỉnh tinh gọn, đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh và đảm bảo theo quy định của trung ương.

- Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan liên quan tham mưu chính sách thu hút, đào tạo cán bộ y tế, nhất là cán bộ y tế có chuyên môn cao, chuyên môn sâu làm việc lâu dài tại y tế cơ sở và vùng có điều kiện kinh tế khó khăn.

- Phối hợp Sở Y tế kịp thời rà soát, điều chỉnh số lượng y tế áp, khu phố kiêm thêm chức năng nhiệm vụ cộng tác viên dân số để phù hợp với tình hình thực tế địa phương và quy định pháp luật.

## **5. Sở Thông tin và Truyền thông**

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan chỉ đạo các cơ quan báo chí, hệ thống truyền thanh cơ sở tuyên truyền, truyền thông rộng rãi mục đích, ý nghĩa, các nội dung của Kế hoạch và các nội dung truyền thông giáo dục sức khỏe, kiến thức pháp luật lĩnh vực y tế đến người dân trên địa bàn tỉnh.

## **6. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành liên quan thực hiện các chính sách an sinh xã hội, đảm bảo chính sách y tế cho các đối tượng dễ bị tổn thương (người nghèo, cận nghèo, người cao tuổi, trẻ em, đối tượng bảo trợ xã hội...); đảm bảo an toàn cho trẻ em, phòng chống tai nạn thương tích.

## **7. Sở Giáo dục và Đào tạo**

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành liên quan thực hiện các nội dung giáo dục về bảo vệ, chăm sóc sức khỏe trong nhà trường; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, nhân viên y tế trường học trong các cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em và học sinh trong trường học; kiện toàn hệ thống y tế trường học, bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác y tế trường học; triển khai các chương trình chăm sóc sức khỏe cho học sinh, sinh viên.

## **8. Sở Tài nguyên và Môi trường**

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan trong việc xây dựng chính sách, quy hoạch, kế hoạch phân bổ dân cư, sử dụng đất, đặc biệt quan tâm bố trí quỹ đất cho các cơ sở y tế cả công lập và ngoài công lập; gắn việc khai thác tài nguyên với bảo vệ môi trường sinh thái; hạn chế tác hại của môi trường đối với sức khỏe cộng đồng.

## **9. Sở Khoa học và Công nghệ**

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế xây dựng, chỉ đạo thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân, ưu tiên những nghiên cứu về nâng cao chất lượng chăm sóc, phục vụ người bệnh.

## **10. Sở Giao thông vận tải**

Phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành liên quan xây dựng kế hoạch hành động, triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn giao thông, phòng, chống tai nạn thương tích trong phạm vi được phân công quản lý.

## **11. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành liên quan xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các chính sách pháp luật về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý. Bảo đảm cung cấp nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt và tăng tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt tại khu vực nông thôn, hướng dẫn xử lý và cấp nước quy mô hộ gia đình khu vực nông thôn.

## **12. Sở Công Thương**

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành liên quan xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các chính sách pháp luật về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

## **13. Sở Văn hoá và Thể thao**

Chủ trì, phối hợp các sở, ngành liên quan tiếp tục xây dựng, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch tổ chức Tháng hoạt động thể dục, thể thao cho mọi người và Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân

trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021 - 2030; Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể thao gương Bác Hồ vĩ đại” giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

#### **14. Sở Du lịch**

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế nghiên cứu cung cấp sản phẩm du lịch kết hợp với chữa bệnh, chăm sóc y tế, tạo điểm đến hấp dẫn thu hút khách du lịch, phối hợp thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương.

#### **15. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế xây dựng hệ thống văn kiện bảo đảm y tế cho các trạng thái quốc phòng; hướng dẫn xây dựng lực lượng y tế dự bị động viên và lực lượng huy động ngành y tế trong tình trạng khẩn cấp.

- Phối hợp với Sở Y tế thực hiện hiệu quả công tác kết hợp quân dân y trong bảo vệ, chăm sóc sức khỏe Nhân dân và bộ đội trên địa bàn tỉnh góp phần củng cố an ninh, quốc phòng tại mỗi địa phương trên địa bàn tỉnh.

#### **16. Công an tỉnh**

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành liên quan triển khai các hoạt động đảm bảo an ninh, an toàn trong cơ sở y tế; ngăn chặn, đẩy lùi hành vi vi phạm trong lĩnh vực y tế.

#### **17. Sở Xây dựng**

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan đảm bảo cung cấp nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt tại khu vực đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế và tăng tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt tại khu vực đô thị; xây dựng và đảm bảo các quy chuẩn quốc gia đối với các công trình xây dựng để đảm bảo an toàn, vệ sinh phòng, chống bệnh tật trong quá trình sử dụng của cộng đồng trong phạm vi lĩnh vực được phân công quản lý.

#### **18. Ban Dân tộc tỉnh**

Phối hợp với các sở, ngành liên quan xây dựng kế hoạch thực hiện bảo vệ, chăm sóc sức khỏe đối với đồng bào các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

#### **19. Bảo hiểm xã hội tỉnh**

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, các địa phương đẩy mạnh việc tuyên truyền, vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế. Rà soát, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; thực hiện đầy đủ các chính sách nhằm bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho người tham gia bảo hiểm y tế.

#### **20. Các sở, ban, ngành, các cơ quan, tổ chức liên quan**

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch hoạt động lồng ghép nội dung bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân vào

hoạt động của đơn vị; định kỳ thông tin, báo cáo về Sở Y tế để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Y tế. Phối hợp với Sở Y tế kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch.

### **21. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố**

- Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch phù hợp với đặc điểm tình hình tại địa phương, đưa mục tiêu, chỉ tiêu thực hiện vào chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch.

- Bố trí đủ nguồn lực, cơ sở vật chất, thực hiện lồng ghép Kế hoạch này với các chương trình, nhiệm vụ, đề án, dự án khác để triển khai thực hiện hiệu quả tại địa phương theo phân cấp ngân sách và các quy định hiện hành.

- Tổ chức kiểm tra, đôn đốc, giám sát, đánh giá, sơ kết, tổng kết việc thực hiện; tổng hợp báo cáo và kịp thời đề xuất kiến nghị điều chỉnh Kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Y tế).

### **22. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội**

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức và huy động các tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ, chủ động chăm sóc sức khỏe của bản thân và cộng đồng. Tham gia giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ và chăm sóc sức khỏe Nhân dân.

## **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Căn cứ Kế hoạch này, Sở Y tế và các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch chi tiết để triển khai thực hiện.

2. Định kỳ hằng năm, 05 năm các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố báo cáo kết quả thực hiện về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Y tế./.

#### **Nơi nhận:**

- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh (Đảng, CQ, ĐT);
- UBND các huyện, thành phố;
- Chánh, Phó CVP;
- Phòng KGVX;
- Lưu: VT, pthtran.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Lưu Trung**



**Phụ lục 01**  
**CÁC CHỈ TIÊU Y TẾ**

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh)

| TT   | Chỉ tiêu  | Đơn vị | Năm 2025                | Năm 2030                |
|------|---|--------|-------------------------|-------------------------|
|      | <b>Chỉ số đầu vào</b>   |        |                         |                         |
| 1    | Số bác sĩ trên 10.000 dân   | Người  | 10,31                   | 19                      |
| 2    | Số dược sĩ trên 10.000 dân  | Người  | 3,4                     | 4                       |
| 3    | Số điều dưỡng trên 10.000 dân   | Người  | 25                      | 33                      |
| 4    | Số giường bệnh trên 10.000 dân  | Người  | 33,49                   | 35                      |
| 5    | Chi ngân sách cho y tế dự phòng trên tổng chi ngân sách nhà nước cho y tế   | %      | 30                      | >30                     |
|      | <b>Chỉ số hoạt động</b>   |        |                         |                         |
| 6    | Tỉ lệ dân số được quản lý sức khỏe  | %      | >90                     | >95                     |
| 7    | Tỉ lệ tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng  | %      | 95% với 12 loại vắc xin | 95% với 14 loại vắc xin |
| 8    | Tỉ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát   | %      | 70                      | 90                      |
| 9    | Tỉ lệ phụ nữ mang thai được tầm soát ít nhất 04 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất  | %      | 50                      | 70                      |
| 10   | Tỉ lệ chất thải y tế của bệnh viện được xử lý đạt quy chuẩn   | %      | 95                      | 100                     |
|      | <b>Chỉ số kết quả</b>   |        |                         |                         |
| 11   | Mức độ bao phủ các dịch vụ y tế thiết yếu (thang điểm 100)  | Điểm   | 70                      | 75                      |
| 12   | Tỉ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế  | %      | >90,26                  | >95                     |
| 13   | Tỉ lệ người cao tuổi có thẻ bảo hiểm y tế, được quản lý sức khỏe, được khám, chữa bệnh, được chăm sóc tại gia đình, cộng đồng, cơ sở chăm sóc tập trung | %      |                         | 100                     |
| 14   | Tỉ lệ người dân hài lòng với dịch vụ y tế   | %      | 80                      | 90                      |
| 15   | Cơ bản chấm dứt các dịch bệnh AIDS, lao và loại trừ sốt rét vào năm 2030.   |        |                         |                         |
| 15.1 | Số ca nhiễm HIV mới được phát hiện hằng năm trên 100.000 dân  | Ca     |                         | 0,95                    |
| 15.2 | Số ca mắc mới lao trên 100.000 dân  | Ca     | 100                     | 50                      |
| 15.3 | Số ca mắc mới sốt rét trên 100.000 dân  | Ca     | 0,08                    | Loại trừ sốt rét        |
|      | <b>Chỉ số tác động</b>  |        |                         |                         |
| 16   | Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh  | Năm    | 74,5                    | 75                      |

| <b>TT</b> | <b>Chỉ tiêu</b>                                      | <b>Đơn vị</b>            | <b>Năm 2025</b> | <b>Năm 2030</b> |
|-----------|--|--------------------------|-----------------|-----------------|
| 17        | Số năm sống khỏe mạnh tính từ lúc sinh               | Năm                      | > 67            | ≥68             |
| 18        | Tổng tỉ suất sinh                                    | Con/phụ nữ               | 2,1             | 2,1             |
| 19        | Tỉ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi                   | Trên 1.000 trẻ đẻ sống   | 11,2            | 10              |
| 20        | Tỉ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi                   | Trên 1.000 trẻ đẻ sống   | 18              | 15              |
| 21        | Tỉ số tử vong mẹ                                     | Trên 100.000 trẻ đẻ sống | 42              | 38              |
| 22        | Tỉ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi | %                        | 17              | 15              |
| 23        | Chiều cao trung bình của thanh niên 18 tuổi          |                          |                 |                 |
|           | - Nam  | cm                       | 167             | 168,5           |
|           | - Nữ   | cm                       | 156             | 157,5           |



| <b>TT</b> | <b>Tên đề án/chương trình/nhiệm vụ</b>                                | <b>Cơ quan/đơn vị chủ trì</b> | <b>Cơ quan/đơn vị phối hợp chính</b>  | <b>Thời gian thực hiện</b> |
|-----------|---|-------------------------------|---|----------------------------|
| 14        | Đề án thành lập bệnh viện vùng tỉnh Kiên Giang                        | Sở Y tế                       | Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh, các sở, ngành, UBND huyện, thành phố | 2024                       |
| 15        | Thành lập phân hiệu Trường Đại học Y Dược Cần Thơ tại tỉnh Kiên Giang | Trường Đại học Y Dược Cần Thơ | Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Y tế và các sở, ngành liên quan   | 2024                       |
| 16        | Quy hoạch cơ sở hạ tầng các đơn vị y tế công lập                      | Sở Y tế                       | Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh, các sở, ngành, UBND huyện, thành phố | 2025                       |